

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần. Trong đó : Nhà nước sở hữu 31,87% vốn điều lệ
2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thuốc chữa bệnh cho người
3. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thuốc chữa bệnh cho người
4. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:
Năm 2014 là năm triển khai dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn thực hành sản xuất thuốc tốt GMP-WHO tại Phú Hội.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12)
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Tiền đồng Việt Nam

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng : Hệ thống Kế toán Doanh nghiệp.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán
3. Hình thức kế toán áp dụng : Chứng từ ghi sổ

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1/ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

- Tiền mặt ghi nhận: Thu, chi khi có phiếu thu, chi và có báo cáo tồn quỹ tiền mặt hàng ngày

2/ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá thực tế đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Hiện nay chưa lập dự phòng hàng tồn kho

3/ Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư: Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: theo nguyên giá ghi trên Hóa đơn, và các chi phí hình thành TSCĐ theo qui định Nhà nước

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: theo phương pháp đường thẳng.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình: đất tại Hòa Ninh, Bảo Lâm, Đức Trọng, Cát Tiên, Lâm Hà: giá trị được tính theo tiền mua đất và thuế trước bạ; phần mềm kế toán: theo nguyên giá ghi trên Hóa đơn

- Phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình: theo phương pháp đường thẳng.

4/ Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: tiền đầu tư xây dựng được ghi trên Hóa đơn
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.



5/ Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát : Không có
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: Không có
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Đầu tư cổ phần vào Cty CP Y DP Việt Nam.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư: Không có

6/ Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay: theo giá trị thực tế

7/ Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước : là khoản tiền đã trả cho các khoản chi phí đã bỏ ra trong năm nhưng phải phân bổ cho nhiều năm
- Chi phí khác : Không có

8/ Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn gồm :

+ Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn

+ Phải trả phải nộp khác : Tiền thuê nhà, và các khoản phải trả khác. Căn cứ vào chứng từ phải trả đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa chi trả

9/ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả khác : Không có

10/ Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn đầu tư chủ sở hữu là vốn điều lệ Công ty gồm 3.399.959 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000đ hình thành vốn đầu tư chủ sở hữu tương ứng với 33.999.590.000đồng

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản : Không có

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Không có

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lấy tổng doanh thu trừ tổng chi phí (bao gồm cả giá vốn)

11/ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng: Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý (giá bán chưa có thuế VAT), các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Được ghi nhận khi đảm bảo là Doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch và thể hiện bằng việc ban hành Hóa đơn để ghi nhận giao dịch đó

- Doanh thu hoạt động tài chính: Lãi tiền gửi Ngân hàng, Cổ tức được chia từ cổ phiếu của Cty Cổ phần Y Dược phẩm Việt nam.

12/ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Toàn bộ tiền trả lãi vay Ngân hàng về vay vốn lưu động

13/ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Căn cứ vào tổng lợi nhuận kế toán nhân tỉ lệ thuế TNDN hiện hành: 22%

(Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp)

14/ Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

15/ Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác : Không có

5:580
CÓN
Ở PH
LÀM
LAD
LAT

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán quý III/2014 (ĐVT : VNĐ)

1/ Tiền và các khoản tương đương tiền : **8.859.101.373 đồng**
 - Tiền mặt : 277.388.000 đồng
 - Tiền gửi ngân hàng : 8.581.713.373 đồng

2/ Các khoản phải thu ngắn hạn : **48.704.113.129 đồng**
 - Phải thu khách hàng : 45.460.896.812 đồng
 - Trả trước cho người bán : 787.495.263 đồng
 - Các khoản phải thu khác : 2.455.721.054 đồng

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau

- Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ : 2.234.551.311 đồng
 - Phải thu thuế TNCN : 220.973.743 đồng
 - Phải thu khác : 196.000 đồng

3/ Hàng tồn kho : **64.828.224.002 đồng**
 - Hàng hóa : 55.354.581.206 đồng
 - Hàng gửi đi bán : 10.885.000 đồng
 - Nguyên liệu : 6.027.495.785 đồng
 - Bao bì : 3.047.108.603 đồng
 - Nhiên liệu : 94.851.655 đồng
 - Công cụ, dụng cụ : 293.301.753 đồng

4/ Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

KHOẢN MỤC	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PTIÊN VT TẢI TRUYỀN DẪN	TB VĂN PHÒNG	TỔNG CỘNG
I/ Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	17 119 804 831	27 503 071 847	3 861 041 847	375 589 774	48 859 508 299
Mua trong kỳ	224 946 364	2 515 812 000	295 038 364		3 035 796 728
T. lý nhượng bán					
Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	17 344 751 195	30 018 883 847	4 156 080 211	375 589 774	51 895 305 027
II/ Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	8 579 966 854	15 335 933 735	2 597 727 454	243 172 302	26 756 800 345
Khấu hao 9 tháng	756 962 276	2 474 359 469	168 868 013	47 936 862	3 448 126 620
T.Lý nhượng bán					
Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	9 336 929 130	17 810 293 204	2 766 595 467	291 109 164	30 204 926 965
III/ Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8 539 837 977	12 167 138 112	1 263 314 393	132 417 472	22 102 707 954
Tại ngày 30/09/14	8 007 822 065	12 208 590 643	1 389 484 744	84 480 610	21 690 378 062

* Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 10.267.371.352đ

5/ Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng Đất	Phần mềm Kế toán	Bản quyền	Tổng cộng
I./Ng giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	4 482 598 920	139 730 800	255 900 000	4 878 229 720
Mua trong kỳ	5 135 000			5 135 000
Số dư cuối kỳ	4 487 733 920	139 730 800	255 900 000	4 883 364 720
II/G.trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	53 291 505	139 730 800	63 975 000	256 997 305
Khấu hao trong kỳ	50 151 441		63 975 006	114 126 447
Số dư cuối kỳ	103 442 946	139 730 800	127 950 006	371 123 752
III/G.trị còn lại TSCĐ				
Tại ngày đầu năm	4 429 307 415		191 925 000	4 621 232 415
Tại ngày cuối kỳ	4 384 290 974		127 949 994	4 512 240 968

* Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 293.494.577đ

6/ Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Khấu hao trong kỳ	Số cuối kỳ
Ng/ giá BĐS đầu tư	2 703 478 177			2 703 478 177
GT hao mòn lũy kế	645 564 271		67 141 143	712 705 414
Giá trị còn lại TS	2 057 913 906		67 414 143	1 990 772 763

7/ Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

- Phải trả người bán : 71.686.937.919 đồng
- Người mua trả tiền trước : 470.073.647 đồng

8/ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác **1.002.134.020 đồng**

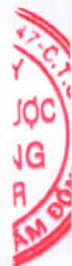
- Kinh phí công đoàn : 263.104.015 đồng
- Cổ tức phải trả : 105.913.375 đồng
- Các khoản phải trả, phải nộp khác : 633.116.630 đồng

9/ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước : **994.601.270 đồng**

- Thuế giá trị gia tăng : - 622.247.058 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp : 1.362.886.058 đồng
- Thuế thu nhập cá nhân : 19.256.033 đồng

10/ Quỹ khen thưởng, phúc lợi : **3.285.517.479 đồng**

- Quỹ khen thưởng : 484.329.093 đồng
- Quỹ phúc lợi : 2.799.102.256 đồng
- Quỹ thưởng ban điều hành : 2.086.130 đồng



- 11/ Quỹ phát triển khoa học công nghệ : 3.754.953.923 đồng
 - Quỹ phát triển KHCN còn lại chưa sử dụng : 298.195.400 đồng
 - Giá trị còn lại của TSCĐ hình thành từ Quỹ phát triển KHCN : 3.456.758.523 đồng

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý III/2014 (ĐVT : VNĐ)

1/ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :	112.922.455.607 đồng
- Doanh thu bán hàng :	112.743.382.882 đồng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ :	179.072.725 đồng
2/ Giá vốn hàng vốn :	98.646.351.392 đồng
- Giá vốn hàng hóa :	98.623.971.011 đồng
- Giá vốn DV đã cung cấp :	22.380.381 đồng
3/ Chi phí bán hàng :	5.070.225.615 đồng
4/ Chi phí quản lý doanh nghiệp :	3.073.020.068 đồng
5/ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	
- Lợi nhuận kế toán trước thuế :	6.476.058.967 đồng
- Trừ các khoản điều chỉnh giảm :	281.122.340 đồng
- Thu nhập tính thuế TNDN :	6.194.936.627 đồng
- Thuế suất thuế TNDN :	22%
- Chi phí thuế TNDN phải nộp :	1.362.886.058 đồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



CN. Trương Thị Ngọc Hiền

Đà Lạt, ngày 14 tháng 10 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



DS: Phạm Thị Xuân Hương

C. P. * G. *